DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN
GIA HẠN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐI LÀM VIỆC TẠI HÀN QUỐC
(Kèm theo Công văn số 480/TTLĐNN-TCLĐ ngày 24/05/2019)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Kỳ thi	Tỉnh/thành phố
1	Nguyễn Văn Sơn	01/03/1991	10017919	06/2017	Bắc Giang
2	Lê Đình Luật	16/01/1992	10018309	06/2017	Bắc Giang
3	Trần Đình Tiếp	17/10/1980	10007608	06/2017	Hà Nam
4	Nguyễn Thùy Giang	09/03/1989	10001071	06/2017	Hà Nội
5	Trần Thị Lan	04/06/1989	20001027	08/2017	Hà Tĩnh
6	Hoàng Thị Thu Hoài	28/02/1995	20001034	08/2017	Hà Tĩnh
7	Nguyễn Thị Liên	10/10/1983	20001534	08/2017	Hà Tĩnh
8	Trần Thị Giang	07/04/1982	20002801	08/2017	Hà Tĩnh
9	Nguyễn Văn Chương	10/06/1994	20002830	08/2017	Hà Tĩnh
10	Nguyễn Thị Từ	06/06/1981	20002923	08/2017	Hà Tĩnh
11	Nguyễn Thị Phương	20/09/1988	10055866	08/2017	Hà Tĩnh
12	Phan Xuân Long	10/06/1981	20000858	08/2017	Hà Tĩnh
13	Ngô Thị Hảo	06/10/1995	20001062	08/2017	Hà Tĩnh
14	Trần Bá Long	17/07/1997	20001096	08/2017	Hà Tĩnh
15	Phan Thị Trang	23/06/1990	20001105	08/2017	Hà Tĩnh
16	Tô Văn Thịnh	17/07/1998	20001415	08/2017	Hà Tĩnh
17	Trần Vĩnh Hoàng	30/03/1997	20001443	08/2017	Hà Tĩnh
18	Trần Thị Hiếu	07/01/1990	20001444	08/2017	Hà Tĩnh
19	Thiều Thị Hằng	28/06/1996	20001881	08/2017	Hà Tĩnh
20	Nguyễn Đình Phấn	10/06/1978	20002899	08/2017	Hà Tĩnh
21	Hồ Văn Long	10/03/1994	20001128	08/2017	Hà Tĩnh
22	Trần Thị Hường	12/07/1998	20001154	08/2017	Hà Tĩnh
23	Phạm Văn Tài	18/05/1998	20001901	08/2017	Hà Tĩnh
24	Bùi Thị Thu Lan	03/02/1990	20001924	08/2017	Hà Tĩnh
25	Nguyễn Thị Phương	10/02/1984	20001938	08/2017	Hà Tĩnh
26	Phạm Văn Đề	02/11/1981	20001957	08/2017	Hà Tĩnh
27	Hồ Thị Quỳnh Mai	18/07/1998	20001959	08/2017	Hà Tĩnh
28	Dương Thị Hà	21/03/1992	20001966	08/2017	Hà Tĩnh
29	Nguyễn Thị Huệ	24/11/1983	20002739	08/2017	Hà Tĩnh
30	Nguyễn Văn Trọng	28/08/1997	20002760	08/2017	Hà Tĩnh
31	Nguyễn Thị Anh	02/12/1990	20002776	08/2017	Hà Tĩnh
32	Nguyễn Trọng Quang	10/02/1997	20002786	08/2017	Hà Tĩnh
33	Hoàng Văn Quyền	23/03/1996	20001071	08/2017	Hà Tĩnh
34	Hoàng Văn Thảo	10/05/1978	20001335	08/2017	Hà Tĩnh

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Kỳ thi	Tỉnh/thành phố
35	Chu Văn Tý	10/04/1996	20002908	08/2017	Hà Tĩnh
36	Đinh Trọng Sơn	22/01/1986	10003097	06/2017	Hải Phòng
37	Phạm Nguyễn Tuấn Linh	16/08/1998	20004656	08/2017	Kiên Giang
38	Lâm Thanh Tuyền	10/02/1985	20004665	08/2017	Kiên Giang
39	Hán Thị Hạnh	09/11/1991	10048274	06/2017	Lâm Đồng
40	Thái Thị Ngọc Hân	18/07/1989	10029443	06/2017	Nghệ An
41	Cao Văn Hùng	06/10/1998	20000633	08/2017	Nghệ An
42	Hồ Văn Đoàn	20/11/1980	20000636	08/2017	Nghệ An
43	Hồ Ngọc Phan	12/10/1980	20000715	08/2017	Nghệ An
44	Lê Khắc Hiệu	17/04/1990	10029451	06/2017	Nghệ An
45	Lê Sen Dũng	02/11/1985	10029695	06/2017	Nghệ An
46	Đặng Thị Hằng	12/06/1988	10010243	06/2017	Ninh Bình
47	Nguyễn Văn Thế	18/09/1987	10010440	06/2017	Ninh Bình
48	Võ Lâm Thái Sơn	26/06/1986	10045004	06/2017	Phú Yên
49	Trần Đình Hộp	03/06/1989	20003958	08/2017	Quảng Ngãi
50	Nguyễn Sỷ Hòa	15/04/1980	20002149	08/2017	Quảng Bình
51	Nguyễn Thị Thu Hoàn	26/12/1993	20002250	08/2017	Quảng Bình
52	Bùi Ngọc Hải	24/09/1979	20002292	08/2017	Quảng Bình
53	Nguyễn Ngọc Huân	14/06/1997	20002174	08/2017	Quảng Bình
54	Nguyễn Duy Hoàng	22/09/1998	20002257	08/2017	Quảng Bình
55	Lê Hữu Uyên	26/04/1979	10055650	08/2017	Thanh Hóa
56	Hoàng Văn Phương	18/11/1995	10055640	08/2017	Thanh Hóa
57	Vũ Văn Hoằng	20/06/1997	10055657	08/2017	Thanh Hóa